

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 05-12-2017

V/v tranh chấp ly hôn,
quyền nuôi dưỡng con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Đồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Kim Phi;

2/ Bà Nguyễn Thị Lệ Mỹ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Nguyễn Minh Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Thịnh – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 655/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2017 về “tranh chấp ly hôn, quyền nuôi dưỡng con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Ngô Hùng T, sinh năm 1979; HKTT: Số 223 ấp H, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương.

2. *Bị đơn:* Bà Lê Thị Y, sinh năm 1977; HKTT: Ấp D, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn ông T có mặt, bị đơn bà Y có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn xin ly hôn ngày 09/10/2017; bản tự khai ngày 17/10/2017; biên bản làm việc ngày 17/10/2017; biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 17/10/2017 cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông T trình bày:**

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông T và bà Y tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2012 nhưng không thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, bất

đồng quan điểm. Vợ chồng không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Trên thực tế, vợ chồng không còn tình cảm và hiện nay không chung sống cùng nhau từ đầu năm 2017 cho đến nay, mỗi người ở một nhà tại ấp H, xã Đ, huyện D. Ông T thấy rằng mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã ở mức trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên xin được ly hôn với bà Y.

- *Về con chung*: Quá trình chung sống, giữa ông T và bà Y có 01 con chung tên D, sinh ngày 01/7/2013. Hiện, cháu D đang ở cùng với mẹ là bà Y. Khi ly hôn, ông T đồng ý giao con chung cho bà Y trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, đồng thời tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 700.000 đồng cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

- *Về tài sản chung*: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Chứng cứ ông T cung cấp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện*: Đơn xin ly hôn ngày 09/10/2017; 01 bản sao giấy chứng minh nhân dân và Hộ khẩu thường trú; 01 bản sao giấy khai sinh của con chung D; 01 bản tự khai ngày 17/10/2017. Ngoài ra, ông T không cung cấp chứng cứ hay ý kiến tranh chấp gì khác.

*** Theo bản tự khai ngày 17/10/2017; biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 17/10/2017 bị đơn bà Y trình bày:**

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Y và ông T chung sống với nhau từ năm 2012, hôn nhân tự nguyện nhưng không tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm. Nguyên nhân: Ông T không chung thủy, có quan hệ tình cảm với nhiều người phụ nữ khác và hiện đang sống chung cùng người phụ nữ khác tên X tại xã Đ, huyện D; ông T không lo làm ăn, không chăm lo đến cuộc sống gia đình, thường kiếm chuyện chửi bới, đánh đập bà Y nhiều lần. Việc mâu thuẫn và bị đánh đập, bà Y có báo với chính quyền địa phương. Giữa hai vợ chồng đã không còn tình cảm và không còn sống chung với nhau nữa. Trước yêu cầu ly hôn của ông T thì bà Y đồng ý thuận tình ly hôn vì không muốn làm khổ cho cả hai.

- *Về con chung*: Quá trình chung sống có 01 con chung tên D, sinh ngày 01/7/2013. Hiện, cháu D đang ở cùng với mẹ là bà Y. Khi ly hôn, bà Y yêu cầu trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung, đồng thời yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 700.000 đồng cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

- *Về tài sản chung*: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Chứng cứ bà Y cung cấp để chứng minh cho ý kiến của mình*: 01 bản tự khai ngày 17/10/2017 và 01 đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 17/10/2017. Ngoài ra, bà Y không cung cấp chứng cứ hay ý kiến tranh chấp gì khác.

**** Xác minh và làm việc của Tòa án:***

Ngày 13/10/2017, Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng đã tiến hành xác minh nơi cư trú và sự mâu thuẫn vợ chồng giữa ông T và bà Y, đã xác định được: Trong cuộc sống vợ chồng giữa ông T và bà Y thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Khoảng tháng 9/2017, Công an xã Đ có nhận được tin báo về việc xảy ra bạo lực gia đình ở gia đình ông T, chính quyền địa phương đã tiến hành làm việc nhưng địa phương không xác định được nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn.

**** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng (ông Thịnh) có ý kiến:***

Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đã thực hiện đầy đủ việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho các bên đương sự. Tại phiên tòa, đã có mặt nguyên đơn còn bị đơn đã có văn bản yêu cầu giải quyết vắng mặt. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung các thủ tục tố tụng. Quan hệ pháp luật là tranh chấp ly hôn, nuôi con chung và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn, không công nhận ông T và bà Y là vợ chồng. Về con chung, cần giao cháu D, sinh ngày 01/7/2013 cho bà Y trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi nghe lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn ông T có mặt; bị đơn bà Y đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng để bị đơn bà Y thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Việc vắng mặt của bị đơn bà Y là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn ông T khởi kiện tranh chấp ly hôn đối với bị đơn bà Y, theo đó ông T yêu cầu được ly hôn với bà Y; ông T đồng ý giao con chung tên D, sinh ngày 01/7/2013 cho bà Y trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con mức 700.000 đồng/tháng. Bà Y đồng ý ly hôn và đồng ý nhận nuôi con chung và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung mức 700.000 đồng/tháng. Các bên đương sự có hộ khẩu và đang sinh sống tại xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp ly hôn, nuôi con chung.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông T: Ông T và bà Y tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2012 nhưng không đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau; đã sống ly thân với nhau từ đầu năm 2017 cho đến

nay. Ông T thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn và bà Y đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng giữa ông T và bà Y đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên thống nhất với ý kiến của các đương sự và không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông T và bà Y theo quy định của pháp luật.

[4] *Về con chung*: Quá trình chung sống, ông T và bà Y có 01 con chung tên D, sinh ngày 01/7/2013. Hiện nay cháu D đang ở cùng với mẹ là bà Y. Quá trình giải quyết vụ án, ông T và bà Y thỏa thuận thống nhất giao cho bà Y được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên D, sinh ngày 01/7/2013 và ông T cấp dưỡng nuôi con mức 700.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Xét thấy đây là sự tự nguyện của các đương sự và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung*: Ông T và bà X không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát*: Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa là phù hợp pháp luật.

[7] *Án phí*: Nguyên đơn ông T phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình và cấp dưỡng sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 9, 14, 53, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

I. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông T đối với bà Y, xử lý cụ thể như sau:

1/ *Về quan hệ hôn nhân*: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông T và bà Y.

2/ *Về con chung*: Giao con chung tên D, sinh ngày 01/7/2013 cho bà Y được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 700.000 đồng (bảy trăm nghìn đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng được tính kể từ khi án Bản án có hiệu lực pháp luật.

Sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Y có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông T không thực hiện việc cấp dưỡng nêu trên, thì hàng tháng ông

T còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên đều có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

3/ *Về tài sản chung và nợ chung*: Các bên đương sự không tranh chấp, nên không xem xét giải quyết.

II. Về án phí: Ông T phải chịu toàn bộ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng sơ thẩm. Sau khi khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0005864 ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương, ông T còn phải nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 05/12/2017)

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu cơ quan thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu khởi kiện thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- UBND xã ĐH;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Minh Đồng